**BẢNG GIẢI SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN**

*(Thay thế Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/5/2016)*

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-CĐSVN ngày /5/2020)*

| **Nội dung Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC** | **Nội dung Thông tư thay thế** | **Giải thích lý do** |
| --- | --- | --- |
| **Tên Thông tư:**  Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương. | **Tên Thông tư:**  Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.** | Đề nghị sửa đổi tên nguyên tên Thông tư cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
| Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; | Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017; | Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 thay thế Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 |
|  | Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; | Rà soát và đề nghị bổ sung cho đầy đủ căn cứ |
|  | Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; |
| Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá; | Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá; Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; | Rà soát và đề nghị bổ sung cho đầy đủ căn cứ |
|  | Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; | Rà soát và đề nghị bổ sung cho đầy đủ căn cứ |
| Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; | Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP thay thế Nghị định 60/2003/NĐ-CP |
|  | Căn cứ Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; | Rà soát và đề nghị bổ sung cho đầy đủ căn cứ |
| Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; | Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước tử nguồn kinh phí chi thường xuyên; | Nghị định số 32/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định 130/2013/NĐ-CP |
| Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; | Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; | Nghị định số 12/2017/NĐ-CP thay thế Nghị định 107/2012/NĐ-CP |
| Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; |  | Đề nghị bỏ vì thay đổi thể thức ban hành thành Thông tư của Bộ GTVT |
|  | Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, | Đề nghị bổ sung cho phù hợp với thể thức ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải |
| Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch[[1]](#footnote-1) hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương. | **Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải** ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công** trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. | Đề nghị sửa với lý do:  - Chuyển từ Thông tư liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Tài chính sang Thông tư do Bộ GTVT quy định cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành VB QPPL.  - Thể thức ban hành Thông tư của Bộ GTVT để đảm bảo phù hợp với:  + Khoản 3 Điều 8 Luật Giá quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá.  + Điểm e khoản 2 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền định giá là Bộ GTVT.  + Khoản 20 Điều 2 Nghị định số 12/2017/NĐ-CP quy định chức năng nhiệm vụ của Bộ GTVT, thực hiện chức năng quản lý ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.  - Việc Bộ GTVT ban hành Thông tư này được Bộ Tư pháp có ý kiến tại văn bản số 1464/BTP-PLDSKT ngày 26/4/2019 và Bộ Tài chính có ý kiến tại văn bản số 1516/BTC-QLG ngày 31/01/2019. |
| **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh** | **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh** |  |
| Thông tư này hướng dẫn về phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. | Thông tư này hướng dẫn về phương pháp định giá và quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên** theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. | Đề nghị sửa đổi cho phù hợp với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |
| 1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương. | Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan thực hiện sản xuất và cung ứng **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.** | Đề nghị sửa đổi cho phù hợp với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP |
| 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thuộc đối tượng tại Khoản 1 Điều này được vận dụng quy định của Thông tư này để xây dựng dự toán gói thầu, đồng thời thực hiện theo các quy định của pháp luật về đấu thầu trong trường hợp đấu thầu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt. |  | Đề nghị bỏ với lý do:  - Bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành VB QPPL: Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung.  - Các trường hợp không thuộc đối tượng áp dụng không cần thiết phải quy định, vận dụng là hình thức tự nguyện. Quy định thêm nội dung này dễ dẫn đến mâu thuẫn với các quy định khác có liên quan. |
| Đối với trường hợp đấu thầu sửa chữa định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. |  | Đề nghị bỏ với lý do:  - Pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng đã quy định rõ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, do đó đối với các nội dung công việc thuộc phạm vi điều chỉnh thì phải áp dụng theo quy định của Luật và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành.  - Việc quy định thêm nội dung này dễ dẫn đến mâu thuẫn với các quy định khác có liên quan. |
| **Điều 3. Nguyên tắc xác định giá** | **Điều 3. Nguyên tắc xác định giá** |  |
| Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia được xác định đảm bảo: | Giá **dịch vụ sự nghiệp công** trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia được xác định đảm bảo: | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP |
| 1. Bù đắp chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ để hoàn thành một đơn vị khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích quy định trong quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia. | 1. **Chi phí thực tế hợp lý** để hoàn thành một đơn vị khối lượng dịch vụ sự nghiệp công quy định trong quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia. | - Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.  - Bỏ cụm từ “bù đắp” và cụm từ “hợp lệ” cho phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
| 2. Phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng công trình, hoặc từng hạng mục công việc cụ thể. | 2. Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng công trình, hoặc từng hạng mục công việc cụ thể. | Đề nghị sửa đồng bộ cụm từ “định mức kinh tế - kỹ thuật” |
| 3. Phù hợp với tình hình thị trường nơi thi công và khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. | 3. Phù hợp với tình hình thị trường nơi thi công và khối lượng, chất lượng **dịch vụ sự nghiệp công**. | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP |
| 4. Không tính trong giá sản phẩm, dịch vụ các Khoản chi phí đã được ngân sách Nhà nước đảm bảo. | 4. Không tính trong giá **dịch vụ sự nghiệp công** các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo. | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP |
|  | **Điều 4. Nội dung chi ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia**  Nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ sau: | Bổ sung Điều này với lý do:  1. Tại Điều 4 Thông tư 10/2016/TT-BGTVT-BTC có quy định nội dung này. Vừa qua Bộ Tài chính có văn bản số 3780/BTC-TCDN ngày 31/3/202 đề nghị Bộ GTVT bãi bỏ Thông tư liên tịch sô 10/2016/TT-BGTVT-BTC.  2.Nội dung này cần phải tiếp tục quy định thực hiện quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia. Đề xuất bổ sung mới Điều này |
|  | 1. Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt và giám sát thực hiện bảo dưỡng thường xuyên cấu hạ tầng đường sắt. | 1. Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, bảo dưỡng công trình thuộc hoạt động bảo trì.  2. Theo quy định tại Điều 41 Nghị định 46/2015 quy định, công tác bảo dưỡng công trình được thực hiện từng bước theo quy định tại quy trình bảo trì công trình; Tại Điều 24 Quy trình bảo trì công trình đường sắt yêu cầu công tác bảo dướng công trình phải được kiểm tra, giám sát thường xuyên.  3. Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, kinh phí bảo trì tài sản KCHTĐS được bố trí từ ngân sách nhà nước. |
|  | 2. Sửa chữa công trình đường sắt. | Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, sửa chữa công trình thuộc hoạt động bảo trì. |
|  | 3. Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt. | 1. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, tài sản KCHTĐS phải được quản lý.  2. Theo quy định tại Điều 22 Luật Đường sắt, nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì KCHTĐS do nhà nước đầu tư được bảo đảm từ nguồn NSNN. |
|  | 4. Quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công (nếu có). | 1. Công tác bảo trì KCHTĐS có khối lượng lớn, do nhiều đơn vị trực tiếp thực hiện mà đầu mối trước đây là Tổng công ty ĐSVN tổ chức quản lý và hưởng chi phí quản lý dự án quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 10.  2. Khi thực hiện đặt hàng quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia, đề xuất quy định chi phí công tác này với lý do:  - Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng sau này có tổ chức sự nghiệp trực thuộc để thay mặt ký hợp đồng đặt hàng với nhà cung cấp dịch vụ dịch vụ sự nghiệp thì chi phí này được dùng để chi cho hoạt động của bộ máy tổ chức sự nghiệp (nếu có).  - Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công trực tiếp thực hiện công tác này sẽ không được sử chi phí quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công này khi ngân sách nhà nước bố trí hàng năm của cơ quan này để đảm bảo hoạt động cho công tác đặt hàng. |
|  | 5. Công tác khác liên quan gồm: Quan trắc, kiểm định, thẩm tra, thẩm định, giám sát thi công, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, kiểm toán, quyết toán và tư vấn khác (trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc khi cần thiết). | Các công tác khác liên quan bao gồm: Điều tra, lập kế hoạch bảo trì Nội dung này |
| **Điều 4. Kết cấu và phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích** | **Điều 5. Kết cấu và phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công** | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP |
| 1. Kết cấu giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia dùng để đặt hàng, giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Chi phí nguyên, vật liệu, năng lượng;  b) Chi phí nhân công;  c) Chi phí máy, thiết bị, phương tiện;  d) Chi phí trực tiếp khác;  đ) Chi phí chung;  e) Thu nhập chịu thuế tính trước;  g) Thuế giá trị gia tăng. | 1. Kết cấu giá đối với bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. | Đề nghị sửa đổi nội dung công việc áp dụng cho phù hợp với quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình với lý do:  1. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP quy định như sau:  - Khoản 13 Điều 3: Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình.  - Khoản 3 Điều 40: Bảo dưỡng công trình được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hằng năm và quy trình bảo trì công trình xây dựng được phê duyệt. Theo kế hoạch bảo trì được Bộ GTVT phê duyệt hàng năm, các công việc này thực hiện theo phương thức đặt hàng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (trước đây là Nghị định số 130/2013/NĐ-CP.  - Điểm a khoản 4 Điều 39: Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 5 trăm triệu đồng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tự quyết định về kế hoạch sửa chữa.  - Điểm b khoản 4 Điều 39: Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 5 trăm triệu đồng trở lên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.  Từ những quy định nêu trên, việc xác định giá để đặt hàng việc quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia trực tiếp áp dụng đối với trường hợp bảo dưỡng công trình. Đối với công tác sửa chữa và công tác khác thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về xây dựng thì phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và quy định của pháp luật có liên quan.  2. Bảo dưỡng công trình đường sắt quốc gia cũng là hoạt động xây dựng, do đó kết cấu giá cần bảo đảm phù hợp và tương đồng với quy định của pháp luật về quản lý chi phí xây dựng.  3. Kết cấu giá dịch vụ sự nghiệp công được điều chỉnh để bảo đảm phù hợp với công tác bảo trì và tương đồng với hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Bảng 3.1 Phụ lục 3 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019. Theo đó, kết cấu Dự toán bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp xong để bảo đảm phù hợp với tính chất công tác bảo trì cũng như công việc được áp dụng.  4. Các chi phí gián tiếp cho công tác bảo trì gồm:  - Nhà tạm để ở và điều hành thi công: Nội dung chi phí này trước đây nằm trong chi phí chung và gọi là chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công quy định trong Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC, tuy nhiên thực tế các đơn vị đang có các nhà cung cầu, cung đường, cung TTTH để ở và điều hành bảo trì công trình. ~~Do đó, đ~~ề xuất vẫn để chi phí này nằm trong chi phí chung và thay cụm từ “chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công” bằng “chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công”.  - Chi phí một số công việc chưa tính đủ trong công tác bảo dưỡng công trình gồm: Di chuyển lực lượng lao động, máy thiết bị trong nội bộ công trường, chi phí an toàn lao động, chi phí bảo vệ cho người lao động và môi trường xung quanh, chi phí thí nghiệm vật tư, vật liệu; chi phí cho hệ thống cấp điện, cấp nước tại hiện trường. Trước đây Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC quy định là chi phí trực tiếp khác**,** đây là các công tác tương đồng với các công tác được quy định cho nội dung chi phí cho một số công việc không xác định được từ hồ sơ thiết kế theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD.  - Chi phí gián tiếp khác: Theo quy địnhThông tư số 09/2019/TT-BXD, các chi phí này (nếu có) phải lập dự toán. Trên thực tế các năm trước đây không có chi phí này, mặt khác theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP điều kiện để đặt hàng là danh mục sự nghiệp công phải có định mức kinh tế kỹ thuật và do vậy không đưa vào kết cấu giá. |
| 2. Phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia nêu trên thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. | 2. Phương pháp xác định giá đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. |
|  | 3. Đối với công tác sửa chữa và công tác khác thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan. | Đề nghị bổ sung khoản này để bao hàm hết nội dung về bảo trì KCHT đường sắt theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. |
|  | 4. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, quản lý công tác đặt hàng, giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên và các chi phí có liên quan khác thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này. | Đề nghị bổ sung khoản này để áp dụng đối với chi phí quản lý KCHT đường sắt theo quy định tại Biểu 02 Phụ lục I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
|  | **Điều 6. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** | Đề nghị bổ sung Điều này để bảo đảm điều kiện thực hiện đặt hàng công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
|  | 1) Nội dung chi phí: | Đề nghị bổ sung thêm khoản này với lý do:  - Nội dung công việc quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Biểu 02 Phụ lục 1 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP là sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng. Để đảm bảo đủ các chi phí cho cơ quan nhà nước hợp đồng đặt hàng với đơn vị thực hiện, cần phải chi tiết nội dung và mức chi phí.  - Các nội dung chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt xác định trên cơ sở quy định Luật số 15/2017/QH14 về quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 151/2017/NĐ-CP; Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Thông tư 16/2018/TT-BGTVT. |
|  | a) Lập, quản lý, lưu trữ và cập nhật hồ sơ kết cấu hạ tầng đường sắt; | Xác định trên cơ sở:  1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.  2. Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ.  3. Khoản 7, khoản 8 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT. |
|  | b) Lập, điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; | Xác định trên cơ sở:  1. Theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật quản lý, sử dụng tài sản công quy định quản lý nhà nước về tài sản công: Quản lý việc sử dụng, bảo vệ, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công.  2. Khoản 4 Điều 5 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT quy định nội dung công tác quản lý KCHTĐS: Quản lý việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch bảo trì công trình đường sắt.  3. Khoản 1 Điều 22 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT quy định nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện bảo trì công trình đường sắt. |
|  | c) Tổ chức công tác kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; | Xác định trên cơ sở:  1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.  2. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ.  3. Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT. |
|  | d) Kiểm kê, báo cáo về kết cấu hạ tầng đường sắt; | Xác định trên cơ sở:  1. Theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật quản lý, sử dụng tài sản công.  2. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ.  3. Khoản 1 Điều 5 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT. |
|  | đ) Tổ chức, thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nếu có); | Xác định trên cơ sở: Điều 5 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ. |
|  | e) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng đường sắt; | Xác định trên cơ sở:  - Điều 28 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ.  - Bảo đảm điều kiện vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản KCHTĐS quốc gia. |
|  | g) Mua bảo hiểm cháy, nổ đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bắt buộc phải mua bảo hiểm cháy nổ; | Xác định trên cơ sở:  1. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP;  2. Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. |
|  | h) Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt. | Xác định trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Đường sắt. |
|  | 2. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định trên cơ sở định mức được cơ quan có thẩm quyền ban hành. | Đề nghị bổ sung khoản này để hướng dẫn phương pháp xác định chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt.  Theo điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, theo đó điều kiện để đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công trong công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia (bao gồm cả công tác quản lý tài sản KCHTĐS) là phải có định mức kinh tế kỹ thuật. |
|  | 3. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt trong năm 2021 khi định mức chưa ban hành được xác định như sau:  a) Cho phép xác định chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt bằng chi phí bình quân 03 năm gần nhất theo số liệu báo cáo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở báo cáo quyết toán đã được phê duyệt để lập, phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí bảo trì kết cấu hạ tầng hạ tầng giao thông đường sắt;  b) Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt xác định tại điểm a khoản này là giá tạm tính để ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;  c) Giá trị quyết toán chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt theo định mức xây dựng được cấp có thẩm quyền ban hành. | Hiện nay chưa có văn bản QPPL hướng dẫn việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS. Bộ Xây dựng chỉ hướng dẫn xác định quản lý chi phí xây dựng cho các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Thông tư số 09/2019/TT-BXD).  Với yêu cầu năm 2021 phải thực hiện đặt hàng công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Trường hợp phải xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS sẽ gặp khó khăn, vướng mắc:  - Thống kê chi tiết các công việc bắt buộc phải thực hiện về công tác quản lý tài sản KCHTĐS.  - Phải khảo sát, thu thập số liệu về công tác quản lý tài sản KCHTĐS.  - Xây dựng dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật.  - Cần phải có thời gian theo dõi việc áp dụng định mức để điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.  - Không có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý tài sản KCHTĐS.  Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 NGhị định 32/2019/NĐ-CP, trách nhiệm của các Bộ là ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền định mức kinh tế kỹ thuật.  Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 12/2017/NĐ-CP, nhiệm vụ quyền hạn của Bộ GTVT xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.  Vì vậy để đủ điều kiện đặt hàng công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia (bao gồm cả công tác quản lý tài sản KCHTĐS) năm 2021, vừa qua các cơ quan, đơn vị có đưa ra các phương án sau đây:  Phương án 1: Áp dụng định mức tỷ lệ % trên cơ sở số liệu chi phí cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS do Tổng công ty ĐSVN cung cấp. Theo đó:  - Yêu cầu Tổng công ty ĐSVN thống kê chuỗi số liệu chi phí cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS của 05 năm gần đây mà đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt quyết toán hàng năm.  - Xử lý số liệu theo phương án tính giá trị tỷ lệ % trên tổng kinh phí quản lý, bảo trì KCHTĐS bình quân hàng năm.  - Phương án này có 02 đơn vị phản đối gồm: Thanh tra Bộ và Tổng công ty ĐSVN; 03 Vụ không có ý kiến gồm: Vận tải, Môi trường, KHCN; 08 đơn vị không tham gia ý kiến gồm các Vụ: TC, PC, KCHT, TCCB, ATGT, QLDN, KHĐT và Văn phòng Bộ.  Phương án 2: Chi phí quản lý tài sản KCHTĐS xác định bằng cách lập dự toán chi tiết theo từng nội dung công việc cụ thể. Theo đó:  - Bộ GTVT xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng nội dung công việc trong công tác quản lý tài sản KCHTĐS làm cơ sở cho việc lập dự toán.  - Thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thực hiện điều tra, khảo sát và lập định mức kinh tế kỹ thuật.  - Phương án có 02 đơn vị đồng thuận gồm: Thanh tra Bộ và Tổng công ty ĐSVN; 03 Vụ không có ý kiến gồm: Vận tải, Môi trường, KHCN; 08 đơn vị không tham gia ý kiến gồm các Vụ: TC, PC, KCHT, TCCB, ATGT, QLDN, KHĐT và Văn phòng Bộ.  Quan điểm của Cục ĐSVN:  Đối với phương án 1:  (1) Ưu điểm:  - Việc đưa ra mức tỷ lệ % bảo đảm điều kiện dễ áp dụng trong thực tế.  - Giảm thời gian cho việc lập, thẩm tra, thẩm định chi phí.  (2) Nhược điểm:  - Chưa có văn bản QPPL hướng dẫn lập định mức này.  - Cần phải có thời gian để xác minh tính chính xác những công việc bắt buộc thực hiện và chi phí tương ứng cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS của Tổng công ty ĐSVN.  - Cần phải có đơn vị tư vấn chuyên môn thực hiện. Cục ĐSVN đã đề xuất xây dựng định mức quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia. Hiện nay Bộ GTVT chưa giao kế hoạch xây dựng định mức này.  Đối với phương án 2:  (1) Ưu điểm: Bảo đảm tính rõ ràng các nội dung công việc khi đặt hàng công tác quản lý tài sản KCHTĐS.  (2) Nhược điểm: Ngoài nhược điểm của Phương án 1 nêu trên, còn các nhược điểm là gặp khó khăn áp dụng trong thực tế vì các nội dung công việc khó lượng hóa để xác định khối lượng tương ứng với mức hao phí, mất nhiều thời gian hơn cho việc lập, thẩm tra, thẩm định chi phí.  Đề xuất, kiến nghị của Cục ĐSVN:  1. Trong năm 2021: Bộ tạm thời cho phép chi phí bình quân 3 năm 2016, 2017, 2018 chi phí quản lý tài sản của Tổng công ty ĐSVN đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt quyết toán, để xây dựng kế hoạch, phương án giá và làm giá trị tạm tính để ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia. Giá trị quyết toán theo định mức kinh tế kỹ thuật công tác quản lý tài sản KCHTĐS được Bộ GTVT ban hành.  2. Đề nghị Bộ GTVT điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì năm 2020 nội dung xây dựng định mức chi phí quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia theo nội dung của Thông tư này, tiến độ hoàn thành trong Quý II năm 2021. |
| **Điều 5. Chi phí ngoài đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích** | **Điều 7. Chi phí quản lý công tác đặt hàng và chi phí khác** | Đề nghị chỉnh sửa lại tên Điều cho đúng với nội dung công việc thực hiện, bảo đảm rõ ràng khi áp dụng. |
| 2. Chi phí quản lý dự án  Chi phí quản lý dự án: Là chi phí cho công tác quản lý của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng, giao kế hoạch sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia. Chi phí này được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng kinh phí bảo dưỡng đường sắt quốc gia được giao trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm. Tỷ lệ chi phí quản lý dự án này được vận dụng theo định mức chi phí quản lý dự án do Bộ Xây dựng quy định đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản. | 1. Chi phí quản lý công tác đặt hàng  a) Chi phí quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công (nếu có) là chi phí cho công tác quản lý của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;  b) Chi phí quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 1 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này nhân với tổng kinh phí bảo dưỡng thường xuyên chưa có thuế giá trị gia tăng;  c) Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công chỉ được sử dụng chi phí này khi không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động cho công tác đặt hàng. | Đề nghị chỉnh sửa để bảo đảm phù hợp với nội dung thực hiện từ trước đến nay. Chi phí này được dùng để thực hiện quản lý các nhiệm vụ đặt hàng. Nội dung chi phí cũng bảo đảm tính đồng bộ với quy định trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 18/2016/TTLT-BGTVT-BTC).  Chi phí này trước đây xác định trên cơ sở vận dụng chi phí quản lý dự án, do đó tên nội dung chi phí là chi phí quản lý dự án.  Đối chiếu với quy định tại Điều 66 Luật Xây dựng về nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng thì nội dung quản lý hợp đồng đặt hàng không hoàn toàn phù hợp với nội dung quản lý dự án.  Do đó, đề nghị sửa đổi lại tên nội dung chi phí và quy định cụ thể các công việc chính cần phải thực hiện để đảm bảo đảm sự phù hợp với nội dung chi phí trong thực tế.  Phương pháp xác định chi phí đề nghị giữ nguyên so với trước đây, tuy nhiên kiến nghị ban hành kèm theo Thông tư bảng tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở để xác định chi phí. |
| 1. Chi phí khác trong công tác bảo trì  Chi phí quan trắc, kiểm định, kiểm tra, thẩm tra, thẩm định, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, kiểm toán, quyết toán, tư vấn khác (trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc khi cần thiết) của sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia được tính riêng cho từng nhiệm vụ cụ thể và vận dụng theo quy định của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản. | 2. Chi phí khác trong công tác bảo trì  a) Nội dung chi phí gồm: Chi phí quan trắc, kiểm định, thẩm tra, thẩm định, giám sát thi công, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, kiểm toán, quyết toán và tư vấn khác (trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc khi cần thiết) của dịch vụ sự nghiệp công;  b) Phương pháp xác định: Chi phí khác trong công tác bảo trì được tính riêng cho từng nhiệm vụ cụ thể và thực hiện theo quy định hiện hành. | 1. Chỉnh sửa lại câu chữ cho rõ ràng và đảm bảo bảo tính chặt chẽ.  2. Các chi phí này được xác định theo nhiệm vụ cụ thể và tính riêng theo quy định hiện hành khi tổ chức thực hiện. |
|  | **Điều 8. Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên** | Đề nghị bổ sung Điều này với lý do:  1. Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng: Công tác bảo dưỡng công trình được thực hiện từng bước theo quy định tại quy trình bảo trì công trình xây dựng. Kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng công trình phải được ghi chép và lập hồ sơ; chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm xác nhận việc hoàn thành công tác bảo dưỡng và quản lý trong hồ sơ bảo trì công trình xây dựng.  2. Khoản 4 Điều 24 Quy trình bảo trì KCHT đường sắt quy định yêu cầu về kiểm tra, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình: Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình đơn vị trực tiếp bảo trì công trình triển khai thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt tại hiện trường. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được ghi chép đầy đủ, chi tiết vào sổ nhật ký bảo trì công trình, sổ nhật ký giám sát công trình.  3. Thông tư số 06/2019/TT-BGTVT ngày 31/01/2019 quy định việc quản lý, bảo trì tài sản KCHT đường sắt quốc gia phải được giám sát thường xuyên, định kỳ, đột xuất.  4. Từ năm 2020 trở về trước, việc thực hiện bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS quốc gia được Bộ GTVT giao cho Tổng công ty ĐSVN theo kế hoạch bảo trì và ký đặt hàng với 20 doanh nghiệp bảo trì. Tổng công ty ĐSVN sử dụng bộ máy hiện có để giám sát công tác bảo dưỡng. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, việc đặt hàng là do cơ quan nhà nước thực hiện. Do đó, Tổng công ty ĐSVN thực hiện vai trò của nhà thầu nhận đặt hàng và cần phải thực hiện giám sát độc lập để bảo đảm tính minh bạch khi thực hiện dự toán ngân sách nhà nước. |
|  | 1. Nội dung chi phí  a) Kiểm tra hồ sơ pháp lý và các điều kiện để thực hiện bảo dưỡng công trình;  b) Kiểm tra, chấp thuận hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và của đơn vị thực hiện bảo dưỡng công trình;  c) Kiểm tra, chấp thuận vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, linh kiện đưa vào công trình;  d) Kiểm tra và giám sát chất lượng công việc bảo dưỡng công trình;  đ) Tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng bảo dưỡng công trình;  e) Kiểm tra và xác nhận khối lượng, chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, linh kiện đưa vào công trình cứu chữa, khắc phục bước 1 hậu quả lụt, bão, sự cố, thiên tai và cứu nạn;  g) Công việc khác về công tác quản lý, bảo trì công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. | Nội dung chi phí cho công tác giám sát bảo dưỡng thường xuyên được chi tiết trên cơ sở quy định tại Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Điều 24 Quy trình bảo trì đường sắt quốc gia được ban hành kèm theo Quyết định số 2230/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2015 của Bộ GTVT. |
|  | 2. Phương pháp xác định  Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 2 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này nhân với tổng kinh phí bảo dưỡng thường xuyên chưa có thuế giá trị gia tăng. | Tỷ lệ % làm căn cứ xác định mức chi phí giám sát áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng (Thông tư số 16/2019/TT-BXD) với lý do: Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được xây dựng trên cơ sở tương ứng với quy định tại Điều 26 nghị định số 46/2015/NĐ-CP. |
| **Điều 6. Sử dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật** | **Điều 9. Sử dụng các định mức trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** | Đề nghị sửa lại tên Điều cho đồng bộ |
| Việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia phải sử dụng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. | 1. Việc xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải sử dụng hệ thống định mức được các cơ quan có thẩm quyền ban hành. | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
|  | 2. Trường hợp cần phải xây dựng định mức cho các công việc không có trong hệ thống định mức hoặc điều chỉnh các định mức đã được công bố để phù hợp với biện pháp thi công, yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật, điều kiện thi công của công trình thì cơ quan lập giá dịch vụ sự nghiệp công tổ chức xây dựng hoặc điều chỉnh và được phép thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí đủ điều kiện năng lực theo quy định để xây dựng mới hoặc điều chỉnh định mức trình Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Đề nghị bổ sung thêm khoản này với lý do:  - Bao hàm cho các nội dung công việc chưa có trong hệ thống định mức đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.  - Bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.  - Bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định 68/2019/NĐ-CP. |
| **Điều 7. Thẩm quyền quyết định giá** | **Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá** |  |
| Chi phí ngoài đơn giá, đơn giá hoặc giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách trung ương do Bộ Giao thông vận tải quyết định. | Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Bộ Giao thông vận tải quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và gửi quyết định giá đến Bộ Tài chính để theo dõi giám sát. | - Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.  - Đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung Bộ Giao thông vận tải quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và gửi quyết định giá đến Bộ Tài chính để theo dõi giám sát cho phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016. |
| **Điều 8. Thời điểm quyết định giá** | **Điều 11. Thời điểm quyết định giá** |  |
| 1. Việc quyết định giá sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện sau khi dự toán chi ngân sách Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách trung ương được Bộ Tài chính giao cho Bộ Giao thông vận tải. | 1. Việc quyết định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện sau khi dự toán chi ngân sách nhà nước được Bộ Tài chính giao cho Bộ Giao thông vận tải. | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.  Đề nghị sửa lại câu từ cho phù hợp với Quyết định giao dự toán chi ngân sách của Bộ Tài chính. |
|  | 2. Cơ quan được giao lập giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền phương án giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày 15 tháng 02 của năm kế hoạch. | Bổ sung nội dung quy định về thời gian trình phương án giá để bảo đảm thời gian phê duyệt phương án giá trước ngày 10/3 của năm kế hoạch, làm cơ sở cho việc nghiệm thu, thanh toán Quý I. |
| 2. Thời hạn thẩm định và quyết định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có). | 3. Thời hạn thẩm định và quyết định phương án giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có). | Đề nghị giữ nguyên |
| **Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng; mức trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích** | **Điều 12. Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng** | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
| Việc Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng; mức trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. | Việc điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phải được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trước khi thực hiện. | Đề nghị sửa lại nội dung với lý do:  - Lược bỏ các nội dung này đã được quy định tại Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.  - Mức trợ giá, trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP chỉ áp dụng cho dịch vụ, sản phẩm công ích theo quy định tại khoản 4 Điều 3.  - Dịch vụ sự nghiệp công được nhà nước ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. |
| **Điều 10. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá** | **Điều 13. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá** |  |
| 1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. | 1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành. | Đề nghị sửa tên sản phẩm cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
| 2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. | 2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. | Đề nghị giữ nguyên |
| 3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | 3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | Đề nghị giữ nguyên |
| **Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị** |  |  |
| 1. Bộ Giao thông vận tải |  |  |
| a) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cơ quan chức năng thực hiện lập và quản lý giá theo thẩm quyền, quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan. |  | Đề nghị bỏ vì nội dung này đã được quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 12/2017/NĐ-CP |
| b) Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia làm căn cứ để xây dựng giá. |  | Đề nghị bỏ vì nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 12/2017/NĐ-CP |
| c) Kiểm tra việc thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |  | Đề nghị bỏ vì nội dung này đã được quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 12/2017/NĐ-CP |
| 2. Bộ Tài chính |  |  |
| a) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc quản lý giá theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan. |  | Đề nghị bỏ vì nội dung này đã được quy định tại điểm m khoản 17 Điều 2 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP |
| b) Hàng năm, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật. |  | Đề nghị bỏ vì nội dung này đã được quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP |
| c) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra hoặc chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền việc thực hiện giá sản phẩm công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |  | Đề nghị bỏ vì nội dung này đã được quy định tại điểm m khoản 17 Điều 2 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP |
| **Điều 12. Tổ chức thực hiện** | **Điều 14. Tổ chức thực hiện** |  |
| 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, thay thế Thông tư liên tịch số 76/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. | 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2020, thay thế Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTC-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận và tải Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương. | Đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với nội dung mới của Thông tư.  Hiệu lực thi hành dự kiến ngày 01/11/2020 theo kế hoạch ban hành vào cuối tháng 8/2020 tại nội dung Quyết định số 2497/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019 của Bộ GTVT về việc ban hành chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2020. |
|  | 2. Giao Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, hoàn chỉnh hệ thống định mức đối với công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày 30 tháng 6 năm 2021. | Đề nghị bổ sung khoản này để làm căn cứ thực hiện việc xây dựng và ban hành định mức quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia, làm cơ sở để thực hiện đặt hàng công tác này theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.  Nội dung này nhằm đồng bộ với quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này. |
| 2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./. | 3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./. | Đề nghị bỏ nội dung chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cho phù hợp với thể thức ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT.  Trường hợp có vướng mắc thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính, Bộ GTVT sẽ lấy ý kiến phối hợp theo quy định hiện hành. |
| **Phụ lục số 01:** Kết cấu giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương | **Phụ lục số 01:** Kết cấu giá dịch vụ sự nghiệp công trong công tác bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | Sửa tên giá sản phẩm cho đồng bộ với nội dung quy định của dự thảo Thông tư.  Sản phẩm bảo trì công trình đường sắt là hoạt động xây dựng, do đó các hệ số tại Phụ lục số 01 xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Thông tư 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC và bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD.  Theo ý kiến góp ý của Vụ KHCN, đề nghị Vụ Tài chính cân nhắc việc lấy ý kiến của Bộ Xây dựng khi thực hiện thẩm định. |
| **Phụ lục số 02:** Phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương | **Phụ lục số 02:** Phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | Sửa tên giá sản phẩm cho đồng bộ với nội dung quy định của dự thảo Thông tư.  Chi tiết phương pháp xác định các loại chi phí gồm: Nguyên, vật liệu, năng lượng, máy, thiết bị thi công, chi phí chung... bảo đảm tương đồng với hướng dẫn của Bộ Xây dựng trong việc quản lý chi phí xây dựng.  Chi tiết quy định mức tỷ lệ chi phí chung theo chi phí nhân công bảo dưỡng, bảo đảm điều kiện phù hợp và không vượt quá mức 66% như hiện nay, đồng thời đồng bộ với quy định của Bô Xây dựng hướng dẫn đối với công tác duy tu đường sắt. |
|  | **Phụ lục số 03:** Phương pháp xác định định mức chi phí quản lý công tác đặt hàng và định mức chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên | Bổ sung Phụ lục này để áp dụng định mức tỷ lệ % đối với chi phí quản lý công tác đặt hàng và chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên.  Mức tỷ lệ % xây dựng dựa trên cơ sở quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 với lý do:  - Đối với định mức chi phí quản lý công tác đặt hàng: Thông tư liên tịch số 09 quy định chi phí này vận dụng quy định của Bộ Xây dựng. Chi phí quản lý công tác đặt hàng từ năm 2020 trở về trước áp dụng không gặp khó khăn, vướng mắc. Do đó tiếp tục kế thừa nội dung trước đây.  - Đối với định mức chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên: Các nội dung quy định về nội dung chi phí cho công tác giám sát tại khoản 1 Điều 8 tương ứng với nội dung quy định tại Điều 26 nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Do đó, mức tỷ lệ % áp dụng theo chi phí tư vấn giám sát do Bộ Xây dựng công bố tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019. |

1. Trước đây:

   - Nghị định 170/2003/NĐ-CP, Nghị định 75/2008/NĐ-CP không quy định thẩm quyền định giá đối với sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia.

   - Ngày 14/7/2010 Thủ tướng ban hành QĐ số 1082/QĐ-TTg, theo đó quy định thẩm quyền định giá đối với sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia do Bộ Giao thông vận tải quy định hoặc Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho các cơ quan, tổ chức kinh tế được giao kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước quy định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

   - Trên cơ sở đó, Bộ GTVT và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 76/2011/TTLT-BGTVT-BTC hướng dẫn lập và quản lý giá sản phẩm dịch vụ công ích.

   Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC xây dựng trên cơ sở của Luật Giá ban hành năm 2012 để thay thế Thông tư liên tịch số 76/2011/TTLT-BGTVT-BTC, vẫn giữ nguyên thể thức là thông tư liên tịch. [↑](#footnote-ref-1)